

Số: 40/2017/HĐQT-VNR

Hà Nội, ngày 26 tháng 07 năm 2017

BÁO CÁO TÌNH HÌNH QUẢN TRỊ CÔNG TY NIÊM YẾT
(6 tháng năm 2017)

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Tên công ty niêm yết: TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN TÁI BẢO HIỂM QUỐC GIA VIỆT NAM

Địa chỉ: 141 Lê Duẩn, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Điện thoại: 024 3 9422354

Fax: 024 39422351

Vốn điều lệ: 1.310.759.370.000 VND

Mã chứng khoán: VNR

I. Hoạt động của Đại hội đồng cổ đông:

STT	Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung
1	07/2017/NQ-ĐHĐCĐ	26/04/2017	Kết quả họp ĐHĐCĐ thường niên 2017 ngày 26/04/2017: + Phê duyệt báo cáo tài chính năm 2016 đã được kiểm toán và kế hoạch kinh doanh 2017; + Phê duyệt phương án sử dụng lợi nhuận sau thuế, tỷ lệ chi trả cổ tức năm 2016, thù lao của HĐQT, BKS, tổ thư ký HĐQT năm 2016; + Thông qua báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2016; + Thông qua báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2016; + Thông qua việc miễn nhiệm tư cách thành viên Ban kiểm soát đối với ông Đỗ Quang Khánh; + Thông qua việc thay đổi số lượng thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2015-2019 từ 9 thành viên lên 10 thành viên; + Bầu ông Nguyễn Đình An làm thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2015-2019; + Bầu ông Vũ Ngọc Vượng làm thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2015-2019; + Thông qua phương thức lựa chọn công ty kiểm

			toán độc lập cho năm 2017.
--	--	--	----------------------------

II. Hội đồng quản trị (6 tháng năm 2017):

1. Thông tin về thành viên Hội đồng quản trị (HĐQT):

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Ngày bắt đầu/không còn là thành viên HĐQT	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ	Lý do không tham dự
1	Ông Lê Song Lai	Chủ tịch HĐQT	Giữ chức Chủ tịch HĐQT Nhiệm kỳ III từ ngày 22/4/2015	02	100%	
2	Ông Martyn Parker	Phó Chủ tịch HĐQT	Bầu Phó Chủ tịch HĐQT từ ngày 22/4/2015	0	0%	Vắng mặt tại Kỳ họp HĐQT lần thứ 8 và 9, NK III vì bận công tác - Ủy quyền cho ông Beat Schnegg tham dự
3	Ông Phan Kim Bằng	Phó Chủ tịch HĐQT	Bầu thành viên HĐQT Nhiệm kỳ III từ ngày 22/4/2015 và Phó chủ tịch HĐQT tại Phiên họp HĐQT lần thứ III, Nhiệm kỳ III ngày 18/11/2015	02	100%	
4	Ông Phạm Công Tứ	Thành viên HĐQT	Tổng Giám đốc, Ủy viên HĐQT	02	100%	
5	Ông Trần Vĩnh Đức	Thành viên HĐQT	Bầu thành viên HĐQT Nhiệm kỳ III từ ngày 22/4/2015	02	100%	2
6	Ông Đào Nam Hải	Thành viên HĐQT	Bầu thành viên HĐQT Nhiệm kỳ III từ ngày 22/4/2015	02	100%	
7	Ông Phạm Sỹ Danh	Thành viên HĐQT	Bầu thành viên HĐQT Nhiệm kỳ III từ ngày	02	100%	

			22/4/2015			
8	Ông Beat Schnegg	Thành viên HĐQT	Bầu thành viên HĐQT Nhiệm kỳ III từ ngày 22/4/2015	02	100%	
9	Ông Mai Xuân Dũng	Thành viên HĐQT	Bầu thành viên HĐQT Nhiệm kỳ III từ ngày 22/4/2015	02	100%	
10	Ông Nguyễn Đình An	Thành viên HĐQT	Bầu thành viên HĐQT Nhiệm kỳ III từ ngày 26/4/2017	0	0	Mới được bầu thành viên HĐQT từ ngày 26/4/2017

Ngoài các phiên họp trực tiếp nêu trên, khi có vấn đề phát sinh, để đảm bảo thực tiễn và hiệu quả trong hoạt động kinh doanh, HĐQT Tổng công ty tổ chức họp qua telephone conference hoặc các hình thức thảo luận và lấy ý kiến biểu quyết khác. 100% các thành viên HĐQT đều tham dự và tham gia biểu quyết.

2. Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Ban Giám đốc (theo Quyết định 12/2007/QĐ-BTC):

- Hội đồng quản trị đã phối hợp chặt chẽ, kịp thời, thường xuyên với Ban Giám đốc điều hành, Ban Kiểm soát trong việc chỉ đạo thực hiện các nghị quyết của ĐHĐCĐ và của HĐQT đối với Tổng Công ty.
- Mọi vấn đề ra quyết định của HĐQT đều được thảo luận, thông báo đầy đủ, kịp thời, đúng qui định với Ban kiểm soát và Ban Giám đốc điều hành.
- Mọi cuộc họp HĐQT đều có sự tham dự và tham gia ý kiến của Ban Giám đốc và Ban kiểm soát.
- Các đề xuất của Ban Giám đốc đối với HĐQT đều được nghiên cứu, thảo luận và có ý kiến chỉ đạo kịp thời.
- Tổng Công ty chấp hành đầy đủ, kịp thời các quyết định của HĐQT, ĐHĐCĐ và các qui định của Nhà nước, Điều lệ Công ty niêm yết.

3. Hoạt động của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị:

- Tiểu ban Nhân sự: Tham gia ý kiến về các ứng cử viên bầu bổ sung vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát tại Đại hội đồng cổ đông thường niên 2017
- Tiểu ban Chính sách phát triển: Rà soát và đánh giá việc thực hiện Chiến lược phát triển
- Tiểu ban Lương thưởng:

4. Các Nghị quyết/Quyết định của Hội đồng quản trị (6 tháng năm 2017):

STT	Số nghị quyết	Ngày	Nội dung
-----	---------------	------	----------

1	Quyết định số 01/2017/QĐ-HĐQT	19/01/2017	Phê duyệt Chính sách chi trả cổ tức giai đoạn 2017-2020 của VINARE.
2	Quyết định số 02/2017/QĐ-HĐQT	22/02/2017	Phê duyệt thời gian, địa điểm và chương trình tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thường niên 2017.
3	Quyết định số 03/2017/QĐ-HĐQT	21/3/2017	Kết quả Phiên họp HĐQT lần thứ VIII, Nhiệm kỳ III + Phê duyệt báo cáo tài chính năm 2016; + Phê duyệt phương án phân phối lợi tức năm 2016 và trình ĐHĐCĐ thông qua; + Phê duyệt và trình ĐHĐCĐ thông qua thù lao của HĐQT, BKS, tổ thư ký HĐQT năm 2016; + Phê chuẩn kế hoạch kinh doanh năm 2017; + Thông qua Báo cáo giao dịch với các bên liên quan 2016; + Thông qua Báo cáo hoạt động của HĐQT năm 2016 và Quý I/2017; + Nhất trí và trình ĐHĐCĐ thông qua đề xuất của Ban kiểm soát về danh sách các công ty kiểm toán độc lập lựa chọn sử dụng kiểm toán năm 2017; + HĐQT ủy quyền Chủ tịch HĐQT phê chuẩn các tài liệu trình ĐHĐCĐ thường niên 2017 và giải quyết các công việc phát sinh khác liên quan đến việc tổ chức ĐHĐCĐ thường niên 2017.
4	Quyết định số 04/2017/QĐ-HĐQT	11/4/2017	+ Cử cán bộ tham gia Ban kiểm tra tư cách cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông thường niên 26/4/2017; + Chỉ định Tổ thư ký tại Đại hội đồng cổ đông thường niên 26/4/2017; + Đề cử cán bộ để Đại hội đồng cổ đông thường niên 26/4/2017 bầu vào Ban kiểm phiếu.
5	Quyết định số 05/2017/QĐ-HĐQT	11/4/2017	+ Nhất trí thông qua và trình ĐHĐCĐ thông qua việc miễn nhiệm tư cách thành viên Ban kiểm soát đối với ông Đỗ Quang Khánh; + Việc bầu bổ sung thành viên Ban kiểm soát để đảm bảo đủ số lượng thành viên Ban kiểm soát (5 người) theo Nghị quyết số 05/2015/NQ-ĐHĐCĐ sẽ tiến hành vào dịp thích hợp.
6	Quyết định số 06/2017/QĐ-HĐQT	25/4/2017	Kết quả Phiên họp HĐQT lần thứ IX, Nhiệm kỳ III + Đồng ý về mặt nguyên tắc các đề xuất của Tổng Giám đốc về chủ trương nắm giữ hoặc thoái vốn đối với từng khoản đầu tư trong danh mục đầu tư tại doanh nghiệp khác của VINARE; + Bổ nhiệm các nhân sự giữ chức danh Thư ký Tổng công ty;

			+ Chấp thuận đề nghị bổ sung chương trình họp ĐHĐCĐ thường niên 2017 của cổ đông Tập đoàn Bảo Việt; Trình ĐHĐCĐ thông qua việc thay đổi số lượng thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2015-2019 lên 10 người, nhất trí đề cử ông Nguyễn Đình An để bầu thành viên HĐQT theo đề xuất của cổ đông Tập đoàn Bảo Việt; Sửa đổi nội dung trình ĐHĐCĐ về việc thay đổi nhân sự Ban kiểm soát và trình ĐHĐCĐ thông qua: Việc miễn nhiệm tư cách thành viên Ban kiểm soát đối với ông Đỗ Quang Khánh và Giới thiệu để ĐHĐCĐ bầu bổ sung ông Vũ Ngọc Vượng làm thành viên Ban kiểm soát theo đề cử của cổ đông Tập đoàn Bảo Việt; + Sửa đổi điểm e khoản 3 Điều 9 Quy chế Quản trị công ty hiện hành theo nội dung được quy định tại khoản 13 Điều 22 Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của VINARE và thông qua Thể lệ biểu quyết và bầu cử tại ĐHĐCĐ thường niên 2017.
7	Quyết định số 08/2017/QĐ- HĐQT	5/6/2017	+ Nhất trí lựa chọn Deloitte Việt Nam là công ty kiểm toán độc lập Báo cáo tài chính 2017 của VINARE.

III. Ban Kiểm soát (6 tháng năm 2017):

1. Thông tin về thành viên Ban Kiểm soát (BKS):

STT	Thành viên BKS	Chức vụ	Ngày bắt đầu/không còn là thành viên BKS	Số buổi họp BKS	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự
1.	Ông Trần Trung Tính	Trưởng BKS	Bầu thành viên BKS Nhiệm kỳ III từ ngày 22/4/2015	01	100%	
2	Ông Trần Phan Việt Hải	Thành viên BKS	Bầu thành viên BKS Nhiệm kỳ III từ ngày 22/4/2015	01	100%	
3	Ông Đỗ Quang Khánh	Thành viên BKS	Xin từ nhiệm từ ngày 3/4/2017	01	100%	
4	Bà Lê Thị Thanh Hiền	Thành viên BKS	Bầu thành viên HĐQT Nhiệm kỳ III từ ngày 22/4/2015	01	100%	
5	Ông Deepak Mohan	Thành viên BKS	Bầu thành viên HĐQT Nhiệm kỳ III từ ngày 22/4/2015	01	100%	
6	Ông Vũ Ngọc Vượng	Thành viên BKS	Bầu thành viên BKS Nhiệm kỳ III từ ngày 26/4/2017	0	0	

2. Hoạt động giám sát/phối hợp hoạt động của Ban Kiểm soát đối với HĐQT, Ban Giám đốc điều hành và cổ đông:

- Tham gia các cuộc họp của HĐQT
- Tổ chức họp BKS định kỳ theo quy định của Luật doanh nghiệp và điều lệ Tổng công ty
- Tham gia ý kiến về định hướng chiến lược hoạt động kinh doanh của Tổng công ty
- Thực hiện giám sát HĐQT, Ban Giám đốc trong việc quản lý và điều hành Tổng công ty Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, trong tổ chức công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính
- Thẩm định báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hàng năm và sáu tháng của Tổng công ty
- Trình báo cáo thẩm định báo cáo tài chính, báo cáo kết quả kinh doanh hàng năm lên đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên
- Xem xét các báo cáo và thư quản lý của tổ chức kiểm toán
- Xem xét các kế hoạch, báo cáo của Tổng công ty về: đầu tư, các phương án phát triển hợp tác kinh doanh, công tác quản lý tổ chức, lao động tiền lương, thưởng, các chế độ chính sách liên quan đến người lao động và Tổng công ty
- Phối hợp chặt chẽ trong hoạt động với HĐQT, Ban Giám đốc và các phòng ban quản lý, nghiệp vụ Tổng công ty.

IV. Đào tạo về quản trị công ty

V. Danh sách về người có liên quan của công ty đại chúng theo quy định tại khoản 34 Điều 6 Luật Chứng khoán (năm 2015) và giao dịch của người có liên quan của công ty với chính Công ty:

1. Thay đổi danh sách về người có liên quan của công ty theo quy định tại khoản 34 Điều 6 Luật Chứng khoán: Có

- Ông Nguyễn Đình An – Số CMND: 111421503, cấp ngày 11/3/2009 tại Hà Nội; Được bầu thành viên HĐQT VINARE từ ngày 26/4/2017.
- Ông Vũ Ngọc Vượng – Số CMND: 013579668, cấp ngày 08/12/2012 tại Hà Nội; Được bầu thành viên Ban kiểm soát VINARE từ ngày 26/4/2017.

**/ Bổ sung danh sách những người có liên quan của các thành viên HĐQT và Ban kiểm soát:*

TT	Người có liên quan	Số CMND/Hộ chiếu và Ngày cấp	Mối quan hệ	Chức vụ VINARE	Chức vụ tại Cty con của VINARE	Tỷ lệ vốn sở hữu hoặc đại diện sở hữu/vốn điều lệ hoặc vốn cổ phần có quyền biểu

						quyết tại VINARE
I	Ông Nguyễn Đình An: Thành viên HĐQT					
1	Nguyễn Đình Tiến	Số CMND: 111831259	Bố đẻ	Không có	Không có	Không có
2	Nguyễn Thị Nga	Số CMND: 111448852	Mẹ đẻ	Không có	Không có	Không có
3	Nguyễn Diệp Vy		Con gái	Không có	Không có	Không có
4	Nguyễn Đình Khoa	Số CMND: 012909932	Anh trai	Không có	Không có	Không có
II	Ông Vũ Ngọc Vượng: Thành viên Ban kiểm soát					
1	Vũ Quang	Số CMND: 161994776	Bố đẻ	Không có	Không có	Không có
2	Vũ Thị Mạnh	Số CMND: 160825334	Mẹ đẻ	Không có	Không có	Không có
3	Nguyễn Xuân Hữu	Số CMND: 011527062	Bố vợ	Không có	Không có	Không có
4	Nguyễn Thị Tuyết Loan	Số CMND: 010453211	Mẹ vợ	Không có	Không có	Không có
5	Nguyễn Quỳnh Trang	Số CMND: 012632654	Vợ	Không có	Không có	Không có
6	Vũ Ngọc Minh Anh		Con gái	Không có	Không có	Không có
7	Vũ Thị Hằng	Số CMND: 036186000216	Em ruột	Không có	Không có	Không có
8	Vũ Thị Thúy Nga	Số CMND: 162996713	Em ruột	Không có	Không có	Không có
9	Nguyễn Khánh Linh	Số CMND: 013438848	Em vợ	Không có	Không có	Không có

2. Giao dịch giữa công ty với người có liên quan của công ty; hoặc giữa công ty với cổ đông lớn, người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ: (file đính kèm)

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Mối quan hệ liên quan với công ty	Số đăng ký kinh doanh, ngày cấp, nơi cấp	Địa chỉ trụ sở chính	Thời điểm giao dịch với công ty (ko có)	Số Nghị quyết của ĐHĐCĐ/HĐQT thông qua (QĐ phê chuẩn của TBH của 2017)	Số lượng, tỷ lệ nắm giữ cổ phiếu sau khi giao dịch (bỏ)	Ghi chú
-----	---------------------	-----------------------------------	--	----------------------	---	--	---	---------

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

3. Giao dịch giữa người nội bộ công ty niêm yết, người có liên quan của người nội bộ với công ty con, công ty do công ty niêm yết nắm quyền kiểm soát: (không có)

STT	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với người nội bộ	Chức vụ tại CTNY	Số CMND/Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp	Địa chỉ	Tên công ty con, công ty do CTNY nắm quyền kiểm soát	Thời điểm giao dịch	Số lượng, tỷ lệ nắm giữ cổ phiếu sau khi giao dịch	Ghi chú

4. Giao dịch giữa công ty với các đối tượng khác

4.1 Giao dịch giữa công ty với công ty mà thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành đã và đang là thành viên sáng lập hoặc thành viên HĐQT, Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành trong thời gian ba (03) năm trở lại đây (tính tại thời điểm báo cáo):

- Tổng công ty cổ phần Bảo hiểm Bưu điện (PTI): Ông Mai Xuân Dũng, thành viên HĐQT VINARE đồng thời là thành viên HĐQT PTI

- Tổng công ty Bảo hiểm Bảo Việt: Ông Phan Kim Bằng, Phó Chủ tịch HĐQT VINARE đồng thời là Chủ tịch Hội đồng thành viên Bảo hiểm Bảo Việt

- Tổng công ty cổ phần Bảo hiểm Bảo Minh: Ông Trần Vĩnh Đức, thành viên HĐQT VINARE đồng thời là Chủ tịch HĐQT Bảo Minh

- Tổng công ty cổ phần Bảo hiểm Petrolimex (PJICO): Ông Đào Nam Hải, thành viên HĐQT VINARE đồng thời là Tổng giám đốc PJICO

- Tổng công ty cổ phần Bảo hiểm Toàn Cầu (GIC): Ông Phạm Công Tứ, thành viên HĐQT VINARE đồng thời là thành viên HĐQT GIC

Chi tiết các giao dịch với các công ty nêu trên đã được trình bày trong Báo cáo “**Giao dịch giữa công ty với người có liên quan của công ty; hoặc giữa công ty với cổ đông lớn, người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ**” đính kèm.

4.2 Giao dịch giữa công ty với công ty mà người có liên quan của thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành là thành viên HĐQT, Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành: không có

4.3 Các giao dịch khác của công ty (nếu có) có thể mang lại lợi ích vật chất hoặc phi vật chất đối với thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành: không có

VI. Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ và người liên quan của người nội bộ (6 tháng đầu năm 2017):

1. Danh sách người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ (Đính kèm)

Stt	Tên tổ chức/cá nhân	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)	Chức vụ tại công ty (nếu có)	Số CMND/ĐKKD	Ngày cấp CMND/ĐKKD	Nơi cấp CMND/ĐKKD	Địa chỉ	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ	Ghi chú

2. Giao dịch của người nội bộ và người có liên quan đối với cổ phiếu của công ty niêm yết

Stt	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với cổ đông nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...)
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
1	Quỹ đầu tư giá trị Bảo Việt (BVIF)	Người liên quan ông Phan Kim Bằng – Phó Chủ tịch HĐQT	0	0%	6.478.100	4,94%	Mua 6.478.100 cổ phiếu, kết thúc giao dịch ngày 16/02/2017
2	Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bưu điện	Cổ đông (Người liên quan ông Đỗ Quang Khánh – Thành viên Ban kiểm soát)	1.950.000	1,49%		0%	Bán 1.950.000 cổ phiếu, kết thúc giao dịch ngày 10/03/2017
3	Quỹ đầu tư giá trị Bảo Việt (BVIF)	Cổ đông	6.478.100	4,94%	8.786.100	6,70%	Mua 2.308.000 cổ phiếu, kết thúc giao dịch ngày 12/4/2017
4	Quỹ đầu tư giá trị Bảo Việt (BVIF)	Cổ đông	8.786.100	6,70%	9.202.000	7,20%	Mua 415.900 cổ phiếu, kết thúc giao dịch ngày 19/05/2017

VII. Các vấn đề cần lưu ý khác: Không

Chủ tịch HĐQT

Lê Song Lai

Giao dịch giữa công ty với người có liên quan của công ty; hoặc giữa công ty với cổ đông lớn, người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ

(Đính kèm Báo cáo quản trị công ty 6 tháng năm 2017)

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Mối quan hệ liên quan với công ty	Số đăng ký kinh doanh, ngày cấp, nơi	Địa chỉ trụ sở chính	Số Quyết định phê chuẩn
1	Tổng công ty bảo hiểm Bảo Việt	Cổ đông lớn	Số 45GP/KDBH do Bộ Tài chính cấp ngày 23/11/2004	Số 8 Lê Thái Tổ, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội	Quyết định số 14/2016/QĐ-HĐQT

Danh sách các hợp đồng giữa VINARE và Bảo Việt trong 6 tháng đầu năm 2017

STT	Tên hợp đồng	Số hiệu hợp đồng	Ngày hiệu lực	Ngày kết thúc	
1	HOANH SON PORT	IN2017-ENG-BV-FAC.007	23/01/2017	23/04/2018	
2	PAR Fac - Saigon paper	IN2017-PRO-BAOVIET-FAC.006	01/06/2017	31/05/2018	
3	PAR Fac - Mei Sheng Textiles	IN2017-PRO-BAOVIET-FAC.005	31/01/2017	31/01/2018	
4	FIR Fac - Mong Duong TPP	IN2017-PRO-BAOVIET-FAC.004	01/04/2017	31/12/2017	
5	MARINE HULL QS 2017	IN2017-MarH-BAOVIET-QS.025	01/01/2017	31/12/2017	
6	MARINE CARGO QS 2017	IN2017-MarC-BAOVIET-QS.008	01/01/2017	31/12/2017	
7	HANOI METRO CONTRACT PACKAGE	IN2017-ENG-BV-FAC.001	06/02/2017	06/03/2021	
8	BAOVIET ENGINEERING 1ST SURPLUS TREATY 2017	IN2017-ENG-BV-1SP.001	01/01/2017	31/12/2017	
9	P&I QS 2017. LSSO _ BAO VIET	IN2017-P&I-BAO VIET-QS.002	20/02/2017	20/02/2018	
10	P&I QS 2017. WOE _ BAO VIET(2.5%)	IN2017-P&I-BAO VIET-QS.004	20/02/2017	20/02/2018	
11	P&I QS 2017. WOE _ BAO VIET	IN2017-P&I-BAO VIET-QS.003	20/02/2017	20/02/2018	
12	PAR/BI FAC - Theodore Alexander	IN2017-PRO-BAOVIET-FAC.002	01/01/2017	31/12/2017	
13	FIR FAC R/I - NGHISON TPP 1	IN2017-PRO-BAOVIET-FAC.003	01/01/2017	31/12/2017	
14	F&SP Fac - Noi Bai T2	IN2017-PRO-BAOVIET-FAC.001	17/01/2017	30/09/2017	
15	Miscellaneous Accident Surplus RI Treaty 2017	IN2017-MIS-BAOVIET-1SP.001	01/01/2017	31/12/2017	
16	BV MOTOR PD XOL 2017	IN2017-MIS-BAOVIET-XOL.001	01/01/2017	31/12/2017	
17	Fire Quota Share 2017	IN2017-PRO-BAOVIET-QS.001	01/01/2017	31/12/2017	
18	PAR Fac - YP Long An Co.,Ltd	OUT2017-PRO-FAC.038	09/06/2017	09/06/2018	
19	KRIC Engineering 2nd SPL Treaty 2017	OUT2017-ENG-KRIC 2SP.005	01/01/2017		
20	KRIC Engineering Fac Ob Treaty 2017	OUT2017-ENG.KRIC FO.006	01/01/2017	31/12/2017	
21	KRIC Engineering 1st SPL Treaty 2017	OUT2017-ENG-KRIC 1SP.004	01/01/2017		
22	Korean Re - Non Marine Event XOL - Korea, China & Israel	OUT2017-PRO-TTY.035	01/04/2017		
23	Korean Re - Non marine Event XOL - Named territories program	OUT2017-PRO-TTY.028	01/04/2017		

24	PAR Fac R/I - Hanoi Seowon Intech Co. 2017	OUT2017-PRO-FAC.037	25/06/2017	25/06/2018	
25	PAR Fac R/I - Kyungbang Vietnam 2017	OUT2017-PRO-FAC.028	09/05/2017	09/05/2018	
26	Korean Re - Non marine Event XOL - Overseas program	OUT2017-PRO-TTY.027	01/04/2017		
27	PAR/BI Fac R/I - Nghi Son Cement 2017	OUT2017-PRO-FAC.030	01/01/2017		
28	PAR Fac- Posco SS	OUT2017-PRO-FAC.032	17/06/2017	17/06/2018	
29	PAR Fac- Hyundai Aluminum	OUT2017-PRO-FAC.031	24/06/2017	24/06/2018	
30	Korean Re - Property and Engineering Risk XOL 2017	OUT2017-PRO-TTY.036	01/04/2017		
31	Korean Re - Non Marine Event XOL - Korea program	OUT2017-PRO-TTY.026	01/04/2017		
32	PAR Fac- Vietnam Samho	OUT2017-PRO-FAC.027	01/04/2017	01/04/2017	
33	PAR Fac- Samho An Giang	OUT2017-PRO-FAC.026	01/04/2017	01/04/2018	
34	PAR Fac- Jang Won Tech	OUT2017-PRO-FAC.025	01/04/2017	01/04/2018	
35	PAR Fac - Intops Vietnam - Factory 2	OUT2017-PRO-FAC.024	01/04/2017	01/04/2018	
36	PAR Fac - Intops Vietnam 2017- Factory 1	OUT2017-PRO-FAC.023	01/04/2017	01/04/2018	
37	PAR FAC R/I - Hyosung Vietnam (Steel Cord)	OUT2017-PRO-FAC.022	04/04/2017	04/04/2018	
38	PAR FAC R/I - Hyosung Vietnam (Tire Cord) 2017	OUT2017-PRO-FAC.021	04/04/2017	04/04/2018	
39	Malayan Insurance Company - Non Marine XOL 2017	OUT2017-PRO-TTY.021	01/04/2017		
40	PAR Fac - Sung Shin Vietnam	OUT2017-PRO-FAC.016	01/03/2017	01/03/2018	
41	PAR Fac- Sung Shin A	OUT2017-PRO-FAC.015	01/03/2017	01/03/2018	
42	Swiss Re Group Risk XOL Treaty 2017	OUT2017-PRO-TTY.034	01/01/2017	31/12/2017	
43	PAR Fac- Haesung Vina	OUT2017-PRO-FAC.017	24/03/2017	24/03/2018	
44	KRIC'S MARINE HULL SURPLUS 2017	OUT2017-MarH-1SP.007	01/01/2017	31/12/2017	
45	Korean Re's FINPRO QS Treaty 2017	OUT2017-MIS-QS.003	01/01/2017	31/12/2017	
46	Korean Re's DPTD PA Market XOL Treaty 2017	OUT2017-MIS-XOL.001	01/01/2017	31/12/2017	
47	P&I QS Retrocession 2017	OUT2017-P&I-TTY.020	20/02/2017	20/02/2018	
48	PAR Fac - NRK VN	OUT2017-PRO-FAC.018	22/03/2017	22/03/2018	
49	F&SP Fac R/I - Son La HPP 2017	OUT2017-PRO-FAC.002	01/01/2017	31/12/2017	
50	Indo Re - PD and Misc.Acc XOL Treaty 2017 -Layer 2-7	OUT2017-PRO-TTY.032	01/01/2017	31/12/2017	
51	KRIC's Combined Marine XOL 2017 - Upstream Energy Section	OUT2017-ENY-XOL.001	01/01/2017	31/12/2017	
52	PAR Fac- Dream Tech	OUT2017-PRO-FAC.010	23/01/2017	21/01/2018	
53	PAR Fac- Dorco Vina	OUT2017-PRO-FAC.009	15/01/2017	15/01/2018	
54	KRIC CROP QS-2017	OUT2017-AGR-QS.002	01/01/2017	31/12/2017	
55	PAR Fac - Namyang Delta	OUT2017-PRO-FAC.014	08/03/2017	08/03/2018	
56	AGR-KRIC LIVESTOCK QS-2017	OUT2017-AGR-QS.001	01/01/2017	31/12/2017	
57	KRIC'S MARINE HULL XOL 2017	OUT2017-MarH-XOL.006	01/01/2017	31/12/2017	
58	KRIC'S COMBINED MARINE XOL 2017	OUT2017-MarC-XOL.005	01/01/2017	31/12/2017	
59	KRIC'S MARINE CARGO XOL 2017	OUT2017-MarC-XOL.004	01/01/2017	31/12/2017	
60	Korean Re's Personal Accident QS Treaty 2017	OUT2017-MIS-QS.002a	01/01/2017	31/12/2017	
61	Korean Re -Special Surplus Treaty 2017 to BV	OUT2017-PRO-TTY.006	01/01/2017	31/12/2017	

62	Korean Re - First QS & Surplus Treaty 2017 to BV	OUT2017-PRO-TTY.005	01/01/2017	31/12/2017	
63	Korean Re - Priority QS & Surplus Treaty 2017 to BV	OUT2017-PRO-TTY.004	01/01/2017	31/12/2017	
2	Tổng công ty cổ phần Bảo Minh	Cổ đông lớn	Số 27GP/KDBH do Bộ Tài chính cấp ngày 08/09/2004	Số 26 Tôn Thất Đạm, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp.Hồ Chí Minh	Quyết định số 14/2016/QĐ-HĐQT

Danh sách các hợp đồng giữa VINARE và Bảo Minh trong 6 tháng đầu năm 2017

STT	Tên hợp đồng	Số hiệu hợp đồng	Ngày hiệu lực	Ngày kết thúc	
1	PAR/BI Fac R/I - Nghi Sơn Cement 2017	IN2017-PRO-BAOMINH-FAC.001	01/01/2017	31/12/2017	
2	PINOT - VAN PHONG CONG CHUNG TRUNG TAM - 2017	IN2017-MIS-BAOMINH-FAC.001	01/04/2017	31/03/2018	
3	MARINE HULL QS 2017	IN2017-MarH-BAOMINH-QS.024	01/01/2017	31/12/2017	
4	MARINE CARGO QS 2017	IN2017-MarC-BAOMINH-QS.006	01/01/2017	31/12/2017	
5	BM Engineering R/I Quota share Treaty 2017	IN2017-ENG-BAOMINH-QS.001	01/01/2017	31/12/2017	
6	P&I QS COVER 2017. LSSO _ BAO MINH	IN2017-P&I-BAO MINH-QS.005	20/02/2017	20/02/2018	
7	P&I QS 2017. SOP _ BAO MINH	IN2017-P&I-BAO MINH-QS.004	20/02/2017	20/02/2018	
8	P&I QS 2017. LSSO _ BAO MINH	IN2017-P&I-BAO MINH-QS.003	20/02/2017	20/02/2018	
9	P&I QS COVER 2017. WOE _ BAO MINH	IN2017-P&I-BAO MINH-QS.002	20/02/2017	20/02/2018	
10	P&I QS 2017. WOE _ BAO MINH	IN2017-P&I-BAO MINH-QS.001	20/02/2017	20/02/2018	
11	Fire Quota Share Treaty 2017	IN2017-PRO-BAOMINH-TTY.001	01/01/2017	31/12/2017	
12	Miscellaneous Accident Quota Share RI Treaty 2017	IN2017-MIS-BAOMINH-QS.001	01/01/2017	31/12/2017	
13	POSCO SS VINA	OUT2017-ENG-FAC.004	17/06/2017	17/06/2018	
14	SAI GON M&C 2017	OUT2017-ENG-FAC.002	30/04/2017	29/10/2017	
15	GIC - Domestic NM XOL 2017	OUT2017-PRO-TTY.024	01/06/2017		
16	MNRB - Combined Non Marine XOL Treaty 2017 - Layer I to III	OUT2017-PRO-TTY.020	01/04/2017	31/03/2018	
17	MARINE HULL QS RETROCESSION 2017 (2.5)	OUT2017-MarH-QS.002	01/01/2017	31/12/2017	
18	VNR ENGINEERING R/T GOLDEN V TREATY 2017	OUT2017-ENG-GV.002	01/01/2017	31/12/2017	
19	Swiss Re Group Risk XOL Treaty 2017	OUT2017-PRO-TTY.034	01/01/2017	31/12/2017	
20	ENERGY QS TREATY 2017/18	OUT2017-ENY-QS.001	01/02/2017	31/01/2018	
21	P&I QS Retrocession 2017	OUT2017-P&I-TTY.022	20/02/2017	20/02/2018	
22	CASUALTY FACILITY 2017 - BAOMINH	OUT2017-MIS-FAC.001	01/01/2017	31/12/2017	
23	Motor Vehicle SPL Retro. Treaty 2017	OUT2017-MIS-1SP.002	01/01/2017	31/12/2017	
24	PI for A&E QS Retro. Treaty 2017	OUT2017-MIS-QS.001	01/01/2017	31/12/2017	
25	KRIC'S MARINE HULL XOL 2017 (UIB)	OUT2017-MarH-XOL.007	01/01/2017	31/12/2017	
26	KRIC'S COMBINED MARINE XOL 2017 (UIB)	OUT2017-MarC-XOL.003	01/01/2017	31/12/2017	
27	Korean Re - Special Surplus Treaty 2017	OUT2017-PRO-TTY.031	01/01/2017	31/12/2017	

28	Korean Re - First QS & Surplus Treaty 2017	OUT2017-PRO-TTY.030	01/01/2017	31/12/2017	
29	Korean Re - Priority QS & Surplus Treaty 2017	OUT2017-PRO-TTY.029	01/01/2017	31/12/2017	
30	KRIC'S MARINE CARGO XOL 2017 (UIB)	OUT2017-MarC-XOL.002	01/01/2017	31/12/2017	
31	Indo Re - PD and Misc.Acc XOL Treaty 2017 -Layer 2-7	OUT2017-PRO-TTY.032	01/01/2017	31/12/2017	
32	KRIC's Combined Marine XOL 2017 - Upstream Energy Section	OUT2017-ENY-XOL.002	01/01/2017	31/12/2017	
33	AGR-KRIC CROP STOP LOSS-2017	OUT2017-AGR-XOL.001	01/01/2017	31/12/2017	
34	Property Facultative Facility - BM	OUT2017-PRO-FAC.006	01/01/2017	31/12/2017	
35	Korean Re's Personal Accident QS Treaty 2017	OUT2017-MIS-QS.002b	01/01/2017	31/12/2017	
36	MARINE CARGO QS RETROCESSION 2017 (BMI)	OUT2017-MarC-QS.002	01/01/2017	31/12/2017	
3	TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM PETROLIMEX (PJICO)	Bên có liên quan của người nội bộ	Số 67GP/KDBH do Bộ Tài chính cấp ngày 26/10/2011	Tầng 21, 22 - Tòa nhà MIPEC, 229 Tây Sơn, Đống Đa, Hà Nội	Quyết định số 14/2016/QĐ-HĐQT

Danh sách các hợp đồng giữa VINARE và PJICO trong 6 tháng đầu năm 2017

STT	Tên hợp đồng	Số hiệu hợp đồng	Ngày hiệu lực	Ngày kết thúc	
1	HIO - MERCEDES BENZ VIETNAM 2017	IN2017-MIS-PJICO-FAC.002	01/01/2017	31/12/2017	
2	MON - VCB - 2017	IN2017-MIS-PJICO-FAC.001	30/04/2017	30/04/2018	
3	PAR/BI FAC R/I - Diamond Plaza IBC 2017	IN2017-PRO-PJICO-FAC.001	01/04/2017	31/03/2018	
4	PJICO ENGINEERING 2ND SURPLUS TREATY 2017	IN2017-ENG-PJICO-2SP.002	01/01/2017	31/12/2017	
5	PJICO ENGINEERING QUOTA SHARE TREATY 2017	IN2017-ENG-PJICO-QS.001	01/01/2017	31/12/2017	
6	P&I QS 2017. LSSO _ PJICO fleets	IN2017-P&I-PJICO-QS.006	20/02/2017	20/02/2018	
7	P&I QS COVER 2017. WOE _ PJICO_AU LAC FLEET	IN2017-P&I-PJICO-QS.005	20/02/2017	20/02/2018	
8	P&I QS 2017. WOE _ PJICO_AU LAC FLEET	IN2017-P&I-PJICO-QS.004	20/02/2017	20/02/2018	
9	P&I QS COVER 2017. WOE _ PJICO	IN2017-P&I-PJICO-QS.003	20/02/2017	20/02/2018	
10	P&I QS 2017. WOE _ PJICO	IN2017-P&I-PJICO-QS.002	20/02/2017	20/02/2018	
11	P&I QS 2017. LSSO _ PJICO	IN2017-P&I-PJICO-QS.001	20/02/2017	20/02/2018	
12	MARINE HULL QS 2017	IN2017-MarH-PJICO-QS.028	01/01/2017	31/12/2017	
13	MARINE CARGO QS 2017	IN2017-MarC-PJICO-QS.012	01/01/2017	31/12/2017	
14	PJICO MOTOR PD CAT XOL 2017	IN2017-MIS-PJICO-XOL.001	01/01/2017	31/12/2017	
15	Miscellaneous Accident Surplus RI Treaty 2017	IN2017-MIS-PJICO-1SP.001	01/01/2017	31/12/2017	
16	Fire Quota Share 2017	IN2017-PRO-PJICO-QS.001	01/01/2017	31/12/2017	
17	PAR Fac R/I - Hanoi Seowon Intech Co. 2017	OUT2017-PRO-FAC.037	25/06/2017	25/06/2018	
18	Sirius's Multi-continental CAT XOL Quota Share Treaty 2017	OUT2017-PRO-TTY.018	01/01/2017	31/12/2017	
19	Sirius's USA CAT Quota Share Treaty 2017	OUT2017-PRO-TTY.019	01/01/2017	31/12/2017	
20	Sirius's UK/Ireland Catastrophe Quota Share Treaty 2017	OUT2017-PRO-TTY.017	01/01/2017	31/12/2017	
21	Sirius's Mediterranean Property Catastrophe QS 2017	OUT2017-PRO-TTY.016	01/01/2017	31/12/2017	

22	Sirius's European and Oceania XOL Surplus Treaty -EXTRA 2017	OUT2017-PRO-TTY.015	01/01/2017	31/12/2017	
23	Sirius's Asian Property XOL Surplus Treaty -ASTRA 2017	OUT2017-PRO-TTY.014	01/01/2017	31/12/2017	
24	Sirius's Latin American Catastrophe XOL QS 2017	OUT2017-PRO-TTY.013	01/01/2017	31/12/2017	
25	Sirius's Northeast United States Property Cat QS 2017	OUT2017-PRO-TTY.012	01/01/2017	31/12/2017	
26	Sirius's Nordic Property XOL QS Treaty - NEXT 2017	OUT2017-PRO-TTY.011	01/01/2017	31/12/2017	
27	Sirius's German Property Catastrophe Quota Share Treaty 2017	OUT2017-PRO-TTY.010	01/01/2017	31/12/2017	
28	Sirius's French Property Catastrophe Quota Share Treaty 2017	OUT2017-PRO-TTY.009	01/01/2017	31/12/2017	
29	PAR/BI Fac- Keangnam Landmark 72	OUT2017-PRO-FAC.033	19/06/2017	19/06/2018	
30	POSCO SS VINA	OUT2017-ENG-FAC.004	17/06/2017	17/06/2018	
31	PAR Fac- Hyundai Aluminum	OUT2017-PRO-FAC.031	24/06/2017	24/06/2018	
32	PAR Fac R/I - Doosan Heavy Industries Vietnam 2017	OUT2017-PRO-FAC.036	30/06/2017		
33	Sirius's Benelux Catastrophe Quota Share Treaty 2017	OUT2017-PRO-TTY.008	01/01/2017	31/12/2017	
34	GIC Re NM Foreign Cat XOL - Underlying Layer 2017	OUT2017-PRO-TTY.023	01/06/2017	31/05/2018	
35	CUU LONG JOC 2017	OUT2017-ENY-FAC.001	01/06/2017	01/06/2018	
36	PAR Fac- Vietnam Samho	OUT2017-PRO-FAC.027	01/04/2017	01/04/2017	
37	GIC Re NM Foreign Cat XOL 2017	OUT2017-PRO-TTY.022	01/06/2017		
38	PAR Fac - Intops Vietnam 2017- Factory 1	OUT2017-PRO-FAC.023	01/04/2017	01/04/2018	
39	PAR FAC R/I - Hyosung Vietnam (Steel Cord)	OUT2017-PRO-FAC.022	04/04/2017	04/04/2018	
40	GIC Re's Comb. Marine and Oil & Energy XOL 2017 - Layer 1-5	OUT2017-ENY-XOL.004	01/05/2017	30/04/2018	
41	MNRB - Combined Non Marine XOL Treaty 2017 - Layer I to III	OUT2017-PRO-TTY.020	01/04/2017	31/03/2018	
42	VNR ENGINEERING R/T GOLDEN V TREATY 2017	OUT2017-ENG-GV.002	01/01/2017	31/12/2017	
43	Swiss Re Group Risk XOL Treaty 2017	OUT2017-PRO-TTY.034	01/01/2017	31/12/2017	
44	PAR Fac- Haesung Vina	OUT2017-PRO-FAC.017	24/03/2017	24/03/2018	
45	P&I QS Retrocession 2017	OUT2017-P&I-TTY.022	20/02/2017	20/02/2018	
46	Malayan - Fire First Surplus Treaty 2017	OUT2017-PRO-TTY.033	01/01/2017	31/03/2018	
47	CASUALTY FACILITY 2017 - PJICO	OUT2017-MIS-FAC.005	01/01/2017	31/12/2017	
48	PI for A&E QS Retro. Treaty 2017	OUT2017-MIS-QS.001	01/01/2017	31/12/2017	
49	KRIC'S MARINE HULL XOL 2017 (UIB)	OUT2017-MarH-XOL.007	01/01/2017	31/12/2017	
50	KRIC'S COMBINED MARINE XOL 2017 (UIB)	OUT2017-MarC-XOL.003	01/01/2017	31/12/2017	
51	New India's Oil & Energy XOL 2017 - Layer 1-4	OUT2017-ENY-XOL.003	01/04/2017	31/03/2018	
52	PAR Fac - NRK VN	OUT2017-PRO-FAC.018	22/03/2017	22/03/2018	
53	KRIC'S MARINE CARGO XOL 2017 (UIB)	OUT2017-MarC-XOL.002	01/01/2017	31/12/2017	
54	Indo Re - PD and Misc.Acc XOL Treaty 2017 -Layer 2-7	OUT2017-PRO-TTY.032	01/01/2017	31/12/2017	
55	KRIC's Combined Marine XOL 2017 - Upstream Energy Section	OUT2017-ENY-XOL.002	01/01/2017	31/12/2017	
56	PAR Fac- Dream Tech	OUT2017-PRO-FAC.010	23/01/2017	21/01/2018	
57	PAR Fac- Dorco Vina	OUT2017-PRO-FAC.009	15/01/2017	15/01/2018	
58	AGR-KRIC CROP STOP LOSS-2017	OUT2017-AGR-XOL.001	01/01/2017	31/12/2017	
59	MARINE HULL QS RETROCESSION 2017 (1.7)	OUT2017-MarH-QS.003	01/01/2017	31/12/2017	

60	Korean Re's Personal Accident QS Treaty 2017	OUT2017-MIS-QS.002b	01/01/2017	31/12/2017	
61	MARINE CARGO QS RETROCESSION 2017 (PJICO)	OUT2017-MarC-QS.001	01/01/2017	31/12/2017	
4	Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIC)	Bên có liên quan của người nội bộ	11GP/KDBH do Bộ Tài chính cấp ngày 10/4/2006	Tầng 16, tháp A, toà nhà VINCOM, số 191 Bà Triệu, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội	Quyết định số 14/2016/QĐ-HĐQT

Danh sách các hợp đồng giữa VINARE và BIC trong 6 tháng đầu năm 2017

STT	Tên hợp đồng	Số hiệu hợp đồng	Ngày hiệu lực	Ngày kết thúc	
1	BOT HCM TRUNG LUONG	IN2017-ENG-BIC-FAC.002	24/03/2017	24/11/2018	
2	HIO-NORFOLK-08/04/2017	IN2017-MIS-BIC-FAC.002	08/04/2017	08/04/2017	
3	MARINE HULL QS 2017	IN2017-MarH-BIC-QS.026	01/01/2017	31/12/2017	
4	MARINE CARGO QS 2017	IN2017-MarC-BIC-QS.009	01/01/2017	31/12/2017	
5	MON - BIDV HO & BIDV HOAN KIEM - 2017	IN2017-MIS-BIC-FAC.001	01/01/2017	31/12/2017	
6	PAR Fac - Hon Tam Nha Trang 2017	IN2017-PRO-BIC-FAC.001	19/03/2017	19/03/2018	
7	NGOI PHAT HPP	IN2017-ENG-BIC-FAC.001	01/01/2017	01/01/2018	
8	BIC Engineering R/I 2nd Surplus Treaty 2017	IN2017-ENG-BIC-2SP.002	01/01/2017	31/12/2017	
9	BIC Engineering R/I 1st Surplus Treaty 2017	IN2017-ENG-BIC-1SP.001	01/01/2017	31/12/2017	
10	BIC's Non Marine SPL treaty 2017-LVI accounts	IN2017-PRO-BIC-1SP.003	01/01/2017	31/12/2017	
11	BIC's Non Marine SPL treaty 2017-CVI accounts	IN2017-PRO-BIC-1SP.002	01/01/2017	31/12/2017	
12	BIC Fire 2nd Surplus Treaty 2017	IN2017-PRO-BIC-2SP.004	01/01/2017	31/12/2017	
13	P&I QS COVER 2017. SOP _ BIC_LADY M&E	IN2017-P&I-BIC-QS.004	24/02/2017	24/02/2018	
14	P&I QS 2017. SOP _ BIC_LADY M&E	IN2017-P&I-BIC-QS.003	24/02/2017	24/02/2018	
15	P&I QS COVER 2017. WOE _ BIC	IN2017-P&I-BIC-QS.002	20/02/2017	20/02/2018	
16	P&I QS 2017. WOE _ BIC	IN2017-P&I-BIC-QS.001	20/02/2017	20/02/2018	
17	Miscellaneous Accident Surplus RI Treaty 2017	IN2017-MIS-BIC-1SP.001	01/01/2017	31/12/2017	
18	Fire Surplus Treaty 2017	IN2017-PRO-BIC-1SP.001	01/01/2017	31/12/2017	
19	Sirius's UK/Ireland Catastrophe Quota Share Treaty 2017	OUT2017-PRO-TTY.017	01/01/2017	31/12/2017	
20	Sirius's Mediterranean Property Catastrophe QS 2017	OUT2017-PRO-TTY.016	01/01/2017	31/12/2017	
21	Sirius's European and Ocenia XOL Surplus Treaty -EXTRA 2017	OUT2017-PRO-TTY.015	01/01/2017	31/12/2017	
22	Sirius's Asian Property XOL Surplus Treaty -ASTRA 2017	OUT2017-PRO-TTY.014	01/01/2017	31/12/2017	
23	Sirius's Latin American Catastrophe XOL QS 2017	OUT2017-PRO-TTY.013	01/01/2017	31/12/2017	
24	Sirius's Northeast United States Property Cat QS 2017	OUT2017-PRO-TTY.012	01/01/2017	31/12/2017	
25	Sirius's Nordic Property XOL QS Treaty - NEXT 2017	OUT2017-PRO-TTY.011	01/01/2017	31/12/2017	
26	Sirius's German Property Catastrophe Quota Share Treaty 2017	OUT2017-PRO-TTY.010	01/01/2017	31/12/2017	
27	Sirius's French Property Catastrophe Quota Share Treaty 2017	OUT2017-PRO-TTY.009	01/01/2017	31/12/2017	

28	Sirius's Benelux Catastrophe Quota Share Treaty 2017	OUT2017-PRO-TTY.008	01/01/2017	31/12/2017	
29	GIC - Domestic NM XOL 2017	OUT2017-PRO-TTY.024	01/06/2017		
30	MNRB - Combined Non Marine XOL Treaty 2017 - Layer I to III	OUT2017-PRO-TTY.020	01/04/2017	31/03/2018	
31	VNR ENGINEERING R/T GOLDEN V TREATY 2017	OUT2017-ENG-GV.002	01/01/2017	31/12/2017	
32	Swiss Re Group Risk XOL Treaty 2017	OUT2017-PRO-TTY.034	01/01/2017	31/12/2017	
33	CASUALTY FACILITY 2017 - BIC	OUT2017-MIS-FAC.002	01/01/2017	31/12/2017	
34	FIRE Fac R/I - Uong Bi TPP Ext.2 2017	OUT2017-PRO-FAC.013	01/01/2017	31/12/2017	
35	F&SP Fac R/I - Son La HPP 2017	OUT2017-PRO-FAC.002	01/01/2017	31/12/2017	
36	Korean Re - Special Surplus Treaty 2017	OUT2017-PRO-TTY.031	01/01/2017	31/12/2017	
37	Korean Re - First QS & Surplus Treaty 2017	OUT2017-PRO-TTY.030	01/01/2017	31/12/2017	
38	Korean Re - Priority QS & Surplus Treaty 2017	OUT2017-PRO-TTY.029	01/01/2017	31/12/2017	
39	Fire Fac R/I - EVN Tower 2017	OUT2017-PRO-FAC.011	01/01/2017	31/12/2017	
40	Property Facultative Facility - BIC	OUT2017-PRO-FAC.005	01/01/2017	31/12/2017	
41	Korean Re's Personal Accident QS Treaty 2017	OUT2017-MIS-QS.002c	01/01/2017	31/12/2017	
5	Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bưu điện (PTI)	Bên có liên quan của người nội bộ	Số 41A/GP/KDBH ngày 01/02/2007	Tầng 8, Số 4A Láng Hạ, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội	Quyết định số 14/2016/QĐ-HĐQT

Danh sách các hợp đồng giữa VINARE và PTI trong 6 tháng đầu năm 2017

STT	Tên hợp đồng	Số hiệu hợp đồng	Ngày hiệu lực	Ngày kết thúc	
1	HIO-THUDUC-19-20/04/2017	IN2017-MIS-PTI-FAC.010	19/04/2017	20/04/2017	
2	HIO-LONGTHANH-05/04/2017	IN2017-MIS-PTI-FAC.009	05/04/2017	05/04/2017	
3	HIO - NINH BINH - 24/03/2017	IN2017-MIS-PTI-FAC.008	24/03/2017	24/03/2017	
4	PTI's HIO FACILITY 2017	IN2017-MIS-PTI-FAC.007	01/04/2017	31/12/2017	
5	Sky City Complex 2017	IN2017-PRO-PTI-FAC.002	28/02/2017	28/02/2018	
6	PTI'S MARINE HULL & ENERGY SURPLUS 2017	IN2017-MarH-PTI-SP.002	01/01/2017	31/12/2017	
7	PTI'S MARINE CARGO SURPLUS 2017	IN2017-MarC-PTI-SP.002	01/01/2017	31/12/2017	
8	MARINE HULL QS 2017	IN2017-MarH-PTI-QS.029	01/01/2017	31/12/2017	
9	MARINE CARGO QS 2017	IN2017-MarC-PTI-QS.013	01/01/2017	31/12/2017	
10	PTI WHOLE ACCOUNT XOL TREATY 2017	IN2017-ENG-PTI-XOL.002	01/01/2017	31/12/2017	
11	HIO - FLC THANH HOA 17-19/03/2017	IN2017-MIS-PTI-FAC.006	17/03/2017	19/03/2017	
12	HIO - MOBIFONE 08/01/2017	IN2017-MIS-PTI-FAC.005	08/01/2017	08/01/2017	
13	HIO - OCB GOLF 07/01/2017	IN2017-MIS-PTI-FAC.004	07/01/2017	07/01/2017	
14	MOT - NGUYEN QUOC THANH 30E-26899	IN2017-MIS-PTI-FAC.003	04/02/2017	04/02/2018	
15	HIO - FLC QUY NHON 17-19/02/2017	IN2017-MIS-PTI-FAC.002	17/02/2017	19/02/2017	
16	MOT - VINGROUP S600 30E-33939	IN2017-MIS-PTI-FAC.001	15/01/2017	14/02/2018	
17	P&I QS COVER 2017. SOP _ PTI_VSICO	IN2017-P&I-PTI-QS.003	20/02/2017	20/02/2018	

18	PTI ENGINEERING QUOTA SHARE TREATY 2017	IN2017-ENG-PTI-QS.001	01/01/2017	31/12/2017	
19	P&I QS COVER 2017. SOP _ PTI	IN2017-P&I-PTI-QS.005	20/02/2017		
20	P&I QS 2017. SOP _ PTI	IN2017-P&I-PTI-QS.004	20/02/2017		
21	P&I QS COVER 2017. WOE _ PTI	IN2017-P&I-PTI-QS.002	20/02/2017	20/02/2018	
22	P&I QS 2017. WOE _ PTI	IN2017-P&I-PTI-QS.001	20/02/2017	20/02/2018	
23	Fire Quota Share Treaty 2017	IN2017-PRO-PTI-QS.001	01/01/2017	31/12/2017	
24	Miscellaneous Accident Quota Share RI Treaty 2017	IN2017-MIS-PTI-QS.001	01/01/2017	31/12/2017	
25	Sirius's Multi-continental CAT XOL Quota Share Treaty 2017	OUT2017-PRO-TTY.018	01/01/2017	31/12/2017	
26	Sirius's UK/Ireland Catastrophe Quota Share Treaty 2017	OUT2017-PRO-TTY.017	01/01/2017	31/12/2017	
27	Sirius's Mediterranean Property Catastrophe QS 2017	OUT2017-PRO-TTY.016	01/01/2017	31/12/2017	
28	Sirius's European and Ocenia XOL Surplus Treaty -EXTRA 2017	OUT2017-PRO-TTY.015	01/01/2017	31/12/2017	
29	Sirius's Asian Property XOL Surplus Treaty -ASTRA 2017	OUT2017-PRO-TTY.014	01/01/2017	31/12/2017	
30	Sirius's Latin American Catastrophe XOL QS 2017	OUT2017-PRO-TTY.013	01/01/2017	31/12/2017	
31	Sirius's Northeast United States Property Cat QS 2017	OUT2017-PRO-TTY.012	01/01/2017	31/12/2017	
32	Sirius's Nordic Property XOL QS Treaty - NEXT 2017	OUT2017-PRO-TTY.011	01/01/2017	31/12/2017	
33	Sirius's German Property Catastrophe Quota Share Treaty 2017	OUT2017-PRO-TTY.010	01/01/2017	31/12/2017	
34	Sirius's French Property Catastrophe Quota Share Treaty 2017	OUT2017-PRO-TTY.009	01/01/2017	31/12/2017	
35	Sirius's Benelux Catastrophe Quota Share Treaty 2017	OUT2017-PRO-TTY.008	01/01/2017	31/12/2017	
36	SAI GON M&C 2017	OUT2017-ENG-FAC.002	30/04/2017	29/10/2017	
37	GIC Re NM Foreign Cat XOL 2017	OUT2017-PRO-TTY.022	01/06/2017		
38	MNRB - Combined Non Marine XOL Treaty 2017 - Layer I to III	OUT2017-PRO-TTY.020	01/04/2017	31/03/2018	
39	MARINE HULL QS RETROCESSION 2017 (PTI)	OUT2017-MarH-QS.004	01/01/2017	31/12/2017	
40	VNR ENGINEERING R/T GOLDEN V TREATY 2017	OUT2017-ENG-GV.002	01/01/2017	31/12/2017	
41	Swiss Re Group Risk XOL Treaty 2017	OUT2017-PRO-TTY.034	01/01/2017	31/12/2017	
42	ENERGY QS TREATY 2017/18	OUT2017-ENY-QS.001	01/02/2017	31/01/2018	
43	P&I QS Retrocession 2017	OUT2017-P&I-TTY.023	20/02/2017	20/02/2018	
44	CASUALTY FACILITY 2017 - PTI	OUT2017-MIS-FAC.006	01/01/2017	31/12/2017	
45	PI for A&E QS Retro. Treaty 2017	OUT2017-MIS-QS.001	01/01/2017	31/12/2017	
46	KRIC'S MARINE HULL XOL 2017 (UIB)	OUT2017-MarH-XOL.007	01/01/2017	31/12/2017	
47	KRIC'S MARINE CARGO XOL 2017 (UIB)	OUT2017-MarC-XOL.002	01/01/2017	31/12/2017	
48	KRIC'S COMBINED MARINE XOL 2017 (UIB)	OUT2017-MarC-XOL.003	01/01/2017	31/12/2017	
49	Korean Re - Special Surplus Treaty 2017	OUT2017-PRO-TTY.031	01/01/2017	31/12/2017	
50	Korean Re - First QS & Surplus Treaty 2017	OUT2017-PRO-TTY.030	01/01/2017	31/12/2017	
51	Korean Re - Priority QS & Surplus Treaty 2017	OUT2017-PRO-TTY.029	01/01/2017	31/12/2017	
52	KRIC's Combined Marine XOL 2017 - Upstream Energy Section	OUT2017-ENY-XOL.002	01/01/2017	31/12/2017	
53	Property Facultative Facility - PTI	OUT2017-PRO-FAC.007	01/01/2017	31/12/2017	
54	Korean Re's Personal Accident QS Treaty 2017	OUT2017-MIS-QS.002c	01/01/2017	31/12/2017	

6	Công ty bảo hiểm Samsung Vina (SVI)	Bên có liên quan của người nội bộ	Giấy phép đầu tư: Số 70/GP/KDBH do Bộ Tài chính cấp 17/01/2014	Tầng 45, Tòa nhà Bitexco, Số 2 Hải Triều, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh	Quyết định số 14/2016/QĐ-HĐQT
----------	--	--	---	--	--------------------------------------

Danh sách các hợp đồng giữa VINARE và SVI trong 6 tháng đầu năm 2017

STT	Tên hợp đồng	Số hiệu hợp đồng	Ngày hiệu lực	Ngày kết thúc	
1	KEANGNAM LANDMARK	IN2017-ENG-SVI-FAC.004	19/06/2017	19/06/2018	
2	DOOSAN HEAVY INDUSTRIES	IN2017-ENG-SVI-FAC.003	30/06/2017	30/06/2018	
3	POSCO SS VINA	IN2017-ENG-SVI-FAC.002	17/06/2017	17/06/2018	
4	PAR Fac- Panko - Knitting Factory	IN2017-PRO-SVI-FAC.052	27/06/2017	27/06/2018	
5	PAR Fac - YP Long An Co.,Ltd	IN2017-PRO-SVI-FAC.051	09/06/2017	09/06/2018	
6	PAR Fac R/I - Doosan Heavy Industries Vietnam 2017	IN2017-PRO-SVI-FAC.050	30/06/2017	30/06/2019	
7	PAR FAC R/I - Hanoi Seowon Intech	IN2017-PRO-SVI-FAC.049	25/06/2017	25/06/2018	
8	PAR Fac - Jahwa Vina Co.,Ltd	IN2017-PRO-SVI-FAC.048	30/06/2017	30/06/2018	
9	PAR/BI Fac- Fine Ms Vina	IN2017-PRO-SVI-FAC.047	09/06/2017	09/06/2018	
10	PAR/BI Fac- Youngbo Vina	IN2017-PRO-SVI-FAC.046	12/06/2017	12/06/2018	
11	PAR/BI- Keangnam Landmark 72	IN2017-PRO-SVI-FAC.045	19/06/2017	19/06/2018	
12	FAC. COVER FOR SEHC - NO. 40173906600000	IN2017-MarC-SVI-FAC.007	01/05/2017	01/05/2018	
13	FAC. COVER FOR SEHC - NO. 40173906500000	IN2017-MarC-SVI-FAC.006	01/05/2017	01/05/2018	
14	PAR Fac- Posco SS	IN2017-PRO-SVI-FAC.044	17/06/2017	17/06/2018	
15	FAC. COVER FOR SEV - NO. 40173905400000	IN2017-MarC-SVI-FAC.004	20/04/2017	20/04/2018	
16	FAC. COVER FOR SEV - NO. 40173905500000	IN2017-MarC-SVI-FAC.003	20/04/2017	20/04/2018	
17	FAC. COVER FOR SEV - NO. 40173905300000	IN2017-MarC-SVI-FAC.002	20/04/2017	20/04/2018	
18	FAC. COVER FOR SEV - NO. 40173905600000	IN2017-MarC-SVI-FAC.001	20/04/2017	20/04/2018	
19	PAR Fac- Hyundai Aluminum	IN2017-PRO-SVI-FAC.043	24/06/2017	24/06/2018	
20	PAR Fac - JS VINA	IN2017-PRO-SVI-FAC.042	31/05/2017	31/05/2018	
21	PAR Fac- Panko - Main Factory	IN2017-PRO-SVI-FAC.041	27/06/2017	27/06/2018	
22	PAR Fac- Alutec	IN2017-PRO-SVI-FAC.040	24/06/2017	24/06/2018	
23	PAR Fac- HS Polytech	IN2017-PRO-SVI-FAC.039	19/06/2017	30/06/2018	
24	PAR Fac- RFTech Thai Nguyen	IN2017-PRO-SVI-FAC.038	01/05/2017	01/05/2018	
25	PAR Fac- Simone Long An	IN2017-PRO-SVI-FAC.037	01/05/2017	01/05/2018	
26	PAR Fac- H&L Apparel	IN2017-PRO-SVI-FAC.036	17/05/2017	17/05/2018	
27	PAR Fac R/I - SJ Tech Vietnam 2017	IN2017-PRO-SVI-FAC.035	30/06/2017	30/06/2018	
28	PAR Fac R/I - Kyungbang Vietnam 2017	IN2017-PRO-SVI-FAC.034	09/05/2017	09/05/2018	
29	PAR Fac - Pusan Vina Plastics Co.,Ltd	IN2017-PRO-SVI-FAC.033	20/02/2017	20/02/2018	
30	PAR Fac - Hantex Vina Co.,Ltd	IN2017-PRO-SVI-FAC.032	25/04/2017	25/04/2018	
31	MOT - KOTOP VINA 60LD-00682-2017	IN2017-MIS-SVI-FAC.013	09/04/2017	09/04/2018	

32	BBB - IBK - HCM - 2017	IN2017-MIS-SVI-FAC.012	13/03/2017	13/03/2018	
33	CUU LONG JOC 2017	IN2017-ENY-SVI-FAC.001	01/06/2017	01/06/2018	
34	PAR Fac- Vietnam Samho	IN2017-PRO-SVI-FAC.031	01/04/2017	01/04/2018	
35	PAR Fac- Samho An Giang	IN2017-PRO-SVI-FAC.030	01/04/2017	01/04/2018	
36	PAR Fac- Jang Won Tech	IN2017-PRO-SVI-FAC.029	01/04/2017	01/04/2018	
37	PAR Fac- Solum Vina	IN2017-PRO-SVI-FAC.028	01/04/2017	01/04/2018	
38	PAR Fac- Samju Vina	IN2017-PRO-SVI-FAC.027	24/03/2017	24/03/2018	
39	PAR Fac- Orion Binh Duong	IN2017-PRO-SVI-FAC.026	19/04/2017	19/04/2018	
40	PAR Fac- Orion Bac Ninh	IN2017-PRO-SVI-FAC.025	19/04/2017	19/04/2018	
41	PAR Fac - Intops Vietnam 2017 - Factory 2	IN2017-PRO-SVI-FAC.024	01/04/2017	01/04/2018	
42	PAR Fac - Intops Vietnam 2017 - Factory 1	IN2017-PRO-SVI-FAC.023	01/04/2017	01/04/2018	
43	PAR FAC R/I - Hyosung Vietnam (Steel Cord) 2017	IN2017-PRO-SVI-FAC.022	04/04/2017	09/10/2017	
44	PAR/BI FAC R/I - Hyosung Vietnam (Tire Cord) 2017	IN2017-PRO-SVI-FAC.021	04/04/2017	04/04/2018	
45	BBB - WOORI BANK - HCM BRANCH - 2017	IN2017-MIS-SVI-FAC.011	24/02/2017	24/02/2018	
46	MOT - GLOBAL HANTEX 61B-01958	IN2017-MIS-SVI-FAC.010	03/01/2017	03/01/2018	
47	MOT - HANSOLLVINA 51B-06819-2017	IN2017-MIS-SVI-FAC.009	12/01/2017	12/01/2018	
48	MOT - HANSOLL 53S-5206-2017	IN2017-MIS-SVI-FAC.008	12/01/2017	12/01/2018	
49	MOT - HANSOLL VINA 51B-10674-2017	IN2017-MIS-SVI-FAC.007	12/01/2017	12/01/2018	
50	MOT - UNISOLL VINA 71LD-00040-2017	IN2017-MIS-SVI-FAC.006	14/01/2017	14/01/2018	
51	MOT - SAMSUNG ELECTRONIC 50LD-06611-2017	IN2017-MIS-SVI-FAC.005	01/01/2017	01/01/2018	
52	MOT - SAMSUNG ELECTRONIC 20LD-00123-2017	IN2017-MIS-SVI-FAC.004	01/01/2017	01/01/2018	
53	MOT - SAMSUNG ELECTRONIC 20LD-00096-2017	IN2017-MIS-SVI-FAC.003	01/01/2017	01/01/2018	
54	MOT - SAMSUNG ELECTRONIC 20LD-00086-2017	IN2017-MIS-SVI-FAC.002	01/01/2017	01/01/2018	
55	PAR Fac - NRK VN	IN2017-PRO-SVI-FAC.020	22/03/2017	22/03/2018	
56	PAR Fac- Wooree Vina	IN2017-PRO-SVI-FAC.019	04/03/2017	04/03/2018	
57	PAR Fac- Apparel Tech	IN2017-PRO-SVI-FAC.018	11/03/2017	11/03/2018	
58	PAR Fac- Haesung Vina	IN2017-PRO-SVI-FAC.017	24/03/2017	24/03/2018	
59	HYOSUNG SV11	IN2017-ENG-SVI-FAC.001	01/03/2017	30/11/2017	
60	PAR Fac - Sung Shin Vietnam	IN2017-PRO-SVI-FAC.016	01/03/2017	01/03/2018	
61	PAR Fac - Sung Shin A	IN2017-PRO-SVI-FAC.015	01/03/2017	01/03/2018	
62	PAR Fac - Namyang Delta	IN2017-PRO-SVI-FAC.014	08/03/2017	08/03/2018	
63	PAR Fac- Global Hantex	IN2017-PRO-SVI-FAC.012	14/01/2017	14/01/2018	
64	PAR Fac- Posco VST	IN2017-PRO-SVI-FAC.011	11/01/2017	11/01/2018	
65	PAR Fac- Posco Vietnam	IN2017-PRO-SVI-FAC.010	11/01/2017	11/01/2018	
66	PAR Fac- Posco VNPC	IN2017-PRO-SVI-FAC.009	11/01/2017	11/01/2018	
67	PAR Fac- POSCO PC	IN2017-PRO-SVI-FAC.008	11/01/2017	11/01/2018	
68	MARINE CARGO QS 2017	IN2017-MarC-SVI-QS.015	01/01/2017	31/12/2017	
69	PA - SHINHAN BANK - 2017	IN2017-MIS-SVI-FAC.001	14/01/2017	13/01/2018	

70	SVI ENGINEERING 1ST SURPLUS TREATY 2017	IN2017-ENG-SVI-1SP.001	01/01/2017	31/12/2017	
71	PAR Fac - Vina Sunwoo	IN2017-PRO-SVI-FAC.007	01/01/2017	01/01/2018	
72	PAR Fac- Simone Accessories Tien Giang	IN2017-PRO-SVI-FAC.006	21/01/2017	21/01/2018	
73	PAR Fac- Ace Antenna	IN2017-PRO-SVI-FAC.005	11/01/2017	11/01/2018	
74	PAR Fac- Dong Yang E&P	IN2017-PRO-SVI-FAC.004	07/01/2017	07/01/2018	
75	PAR Fac- Dorco Vina	IN2017-PRO-SVI-FAC.003	15/01/2017	15/01/2018	
76	PAR Fac- Dream Tech	IN2017-PRO-SVI-FAC.002	23/01/2017	23/01/2018	
77	Fire Surplus Treaty 2017	IN2017-PRO-SVI-SPL.001	01/01/2017	31/12/2017	
78	SVI MOTOR QS RI TREATY 2017	IN2017-MIS-SVI-QS.002	01/01/2017	31/12/2017	
79	PA-WC QS R/I TREATY 2017	IN2017-MIS-SVI-QS.001	01/01/2017	31/12/2017	
80	Miscellaneous Accident Surplus RI Treaty 2017	IN2017-MIS-SVI-1SP.001	01/01/2017	31/12/2017	
7	Tổng Công ty cổ phần bảo hiểm Toàn cầu (GIC)	Bên có liên quan của người nội bộ	37GP/KDBH do Bộ Tài chính cấp ngày 19/6/2006	Tầng 16, Tòa nhà Nam Á. Số 201-203 Cách mạng Tháng 8, phường 4, quận 3, Tp. Hồ Chí Minh	Quyết định số 14/2016/QĐ-HĐQT

Danh sách các hợp đồng giữa VINARE và GIC trong 6 tháng đầu năm 2017

STT	Tên hợp đồng	Số hiệu hợp đồng	Ngày hiệu lực	Ngày kết thúc	
1	TRAVEL - TRANSVIET - 17FEB2017	IN2017-MIS-GIC-FAC.002	17/02/2017	20/02/2017	
2	FAC. COVER FOR QN 7266 (CO TO 01)	IN2017-MarH-GIC-FAC.001	24/04/2017	24/04/2018	
3	FAC. COVER FOR VESSEL HON NET 01	IN2017-MarH-GIC-FAC.005	01/01/2017	31/12/2017	
4	GIC ENGINEERING 1ST SURPLUS TREATY 2017	IN2017-ENG-GIC-1SP.001	01/01/2017	31/12/2017	
5	FIRE Fac R/I - Uong Bi TPP Ext2 2017	IN2017-PRO-GIC-FAC.006	01/01/2017	31/12/2017	
6	F&SP Fac R/I - Son La HPP 2017	IN2017-PRO-GIC-FAC.005	01/01/2017	31/12/2017	
7	P&I QS COVER 2017. WOE _ GIC	IN2017-P&I-GIC-QS.004	20/02/2017	20/02/2018	
8	P&I QS 2017. WOE _ GIC	IN2017-P&I-GIC-QS.003	20/02/2017	20/02/2018	
9	P&I QS COVER 2017. LSSO _ GIC	IN2017-P&I-GIC-QS.002	20/02/2017	20/02/2018	
10	P&I QS 2017. LSSO _ GIC	IN2017-P&I-GIC-QS.001	20/02/2017	20/02/2018	
11	FIRE/BI Fac - Phu My Thermal Power Plant 2017	IN2017-PRO-GIC-FAC.004	01/01/2017	31/12/2017	
12	FIRE FAC R/I - Uong Bi Ext.1 TPP 2017	IN2017-PRO-GIC-FAC.003	01/01/2017	31/12/2017	
13	FIRE Fac R/I - EVN Tower 2017	IN2017-PRO-GIC-FAC.002	01/01/2017	31/12/2017	
14	GIC'S MARINE HULL SURPLUS 2017	IN2017-MarH-GIC-1SP.021	01/01/2017	31/12/2017	
15	GIC'S MARINE CARGO SURPLUS 2017	IN2017-MarC-GIC-1SP.002	01/01/2017	31/12/2017	
16	GIC'S PIANE SPL TREATY 2017	IN2017-MIS-GIC-1SP.002	01/01/2017	31/12/2017	
17	FIRE FAC R/I - Vinh Tan 2 TPP 2017	IN2017-PRO-GIC-FAC.001	01/01/2017	31/12/2017	

18	GIC's HIO FACILITY 2017	IN2017-MIS-GIC-FAC.001	01/01/2017	31/12/2017	
19	Miscellaneous Accident Surplus RI Treaty 2017	IN2017-MIS-GIC-1SP.001	01/01/2017	31/12/2017	
20	Fire Surplus Treaty 2017	IN2017-PRO-GIC-SPL.001	01/01/2017	31/12/2017	
21	VNR ENGINEERING R/T GOLDEN V TREATY 2017	OUT2017-ENG-GV.002	01/01/2017	31/12/2017	
22	Swiss Re Group Risk XOL Treaty 2017	OUT2017-PRO-TTY.034	01/01/2017	31/12/2017	
23	P&I QS Retrocession 2017	OUT2017-P&I-TTY.023	20/02/2017	20/02/2018	
24	CASUALTY FACILITY 2017 - GIC	OUT2017-MIS-FAC.004	01/01/2017	31/12/2017	
25	PI for A&E QS Retro. Treaty 2017	OUT2017-MIS-QS.001	01/01/2017	31/12/2017	
8	Công ty cổ phần bảo hiểm Ngân hàng Nông nghiệp (ABIC)	Bên có liên quan của người nội bộ	38GP/KDBH do Bộ Tài chính cấp ngày 18/10/2006	Tầng 16, Tòa nhà 29T1, đường Hoàng Đạo Thúy, Phường Trung Hòa, Quận Cầu Giấy, Hà Nội	Quyết định số 14/2016/QĐ-HĐQT

Danh sách các hợp đồng giữa VINARE và ABIC trong 6 tháng đầu năm 2017

STT	Tên hợp đồng	Số hiệu hợp đồng	Ngày hiệu lực	Ngày kết thúc	
1	Private Home Insurance - Do Van Cuong	IN2017-PRO-ABIC-FAC.004	09/05/2017	09/05/2017	
2	BAC HA 2017	IN2017-ENG-ABIC-FAC.004	25/04/2017	25/04/2018	
3	DAKPSI 3, 4 HPP	IN2017-ENG-ABIC-FAC.003	18/05/2017	18/05/2018	
4	Cong ty Co phan Sam Ngoc Linh 2017/2018	IN2017-AGR-ABIC-FAC.001	16/05/2017	16/05/2018	
5	Bac Ha HPP 2017 - PAR section	IN2017-PRO-ABIC-FAC.003	25/04/2017	25/04/2018	
6	Bac Ha HPP 2017 - Fire Section	IN2017-PRO-ABIC-FAC.002	25/04/2017	25/04/2018	
7	MON - TTDVNQ - 2017	IN2017-MIS-ABIC-FAC.001	03/01/2017	02/01/2018	
8	DAKPSI 2	IN2017-ENG-ABIC-FAC.002	01/01/2017	31/12/2018	
9	ABIC'S HULL QS+SL TREATY 2017 - SPL SEC.	IN2017-MarH-ABIC-SP.002	01/01/2017	31/12/2017	
10	ABIC'S HULL QS+SL TREATY 2017 - QS SEC.	IN2017-MarH-ABIC-QS.001	01/01/2017	31/12/2017	
11	ABIC'S CARGO QS+SL TREATY 2017 - SPL SEC.	IN2017-MarC-ABIC-SP.002	01/01/2017	31/12/2017	
12	ABIC'S CARGO QS+SL TREATY 2017 - QS SEC.	IN2017-MarC-ABIC-QS.001	01/01/2017	31/12/2017	
13	BINH THUAN	IN2017-ENG-ABIC-FAC.001	01/01/2017	31/12/2017	
14	ABIC Engineering R/I 1st Surplus Treaty 2017	IN2017-ENG-ABIC-1SP.001	01/01/2017	31/12/2017	
15	PAR Fac R/I - Xi mang Fico Tay Ninh 2017	IN2017-PRO-ABIC-FAC.001	01/01/2017	31/12/2017	
16	Whole Account XOL 2017	IN2017-PRO-ABIC-XOL.001	01/01/2017	31/12/2017	
17	Fire Surplus Treaty 2017	IN2017-PRO-ABIC-SPL.001	01/01/2017	31/12/2017	
18	ABIC MOTOR PD SPL RI TREATY 2017	IN2017-MIS-ABIC-1SP.002	01/01/2017	31/12/2017	
19	Miscellaneous Accident Surplus RI Treaty 2017	IN2017-MIS-ABIC-1SP.001	01/01/2017	31/12/2017	

9	Swiss Re	Cổ đông lớn		Mythenquai 50/60, 8022 Zurich, Switzerland	Quyết định số 14/2016/QĐ- HĐQT
---	----------	-------------	--	---	--------------------------------------

Danh sách các hợp đồng giữa VINARE và Swiss Re trong 6 tháng đầu năm 2017

STT	Tên hợp đồng	Số hiệu hợp đồng	Ngày hiệu lực	Ngày kết thúc	
1	NON-MARINE SURPLUS RETRO. TREATY 2017 - ENGINEERING SECTION	OUT2017-ENG-1SP.003	01/01/2017	31/12/2017	
2	Fire & Engineering CAT XOL Treaty 2017	OUT2017-ENG-XOL.001	01/01/2017	31/12/2017	
3	Non-Marine Surplus Retro. Treaty 2017 - Misc Section	OUT2017-MIS-1SP.001	01/01/2017	31/12/2017	
4	Non-Marine 2nd Surplus Retro. Treaty 2017 - Property Section	OUT2017-PRO-TTY.003	01/01/2017	31/12/2017	
5	Fire & Engineering CAT XOL Treaty 2017	OUT2017-PRO-TTY.001	01/01/2017	31/12/2017	
6	Property Facultative Facility -2016/2017- Swissre	OUT2017-PRO-FAC.004	01/01/2017	30/06/2017	
7	Fire Quota Share on Retention 2017	OUT2017-PRO-TTY.002	01/01/2017	31/12/2017	
8	Fire & BI Fac - Phu My Thermal Power Plant 2017	OUT2017-PRO-FAC.012	01/01/2017	31/12/2017	
9	FIRE Fac R/I - Uong Bi TPP Ext.2 2017	OUT2017-PRO-FAC.013	01/01/2017	31/12/2017	

TÊN CÔNG TY: Tổng Công ty cổ phần Tái bảo hiểm Quốc gia Việt Nam

MÃ CHỨNG KHOÁN: VNR

DANH SÁCH CỔ ĐÔNG NỘI BỘ, NGƯỜI ĐƯỢC UQCBTT VÀ NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN

(Thông tin cơ sở dữ liệu được cập nhật tại ngày chốt danh sách 24/06/2017)

STT	TÊN CỔ ĐÔNG	Giới tính	Loại cổ đông	Số CMT/HC của CĐNB	Quan hệ với CĐNB	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm (dd.mm.yyyy)	SL cổ phiếu nắm giữ	Điện thoại	Fax	Quốc tịch
1	2	3	4	5	6	11	12	15	17	18	19
1	Lê Song Lai	0-Nam	Nội bộ	012012162		1		34,495			Việt Nam
2	Lê Ngọc Oanh	0-Nam	NCLQ		1-Cha						Việt Nam
3	Đặng Thị Hồng Lý	1-Nữ	NCLQ		3-Mẹ						Việt Nam
4	Nguyễn Kim Anh	1-Nữ	NCLQ		6-Vợ						Việt Nam
5	Lê Song Bảo Châu	1-Nữ	NCLQ		7-Con						Việt Nam
6	Lê Song Đức Trí	0-Nam	NCLQ		7-Con						Việt Nam
7	Lê Đặng Bảo Anh	0-Nam	NCLQ		11-Em ruột						Việt Nam
8	Martyn Ronald Parker	0-Nam	Nội bộ	761289887		2					United Kingdom
9	Phan Kim Bằng	0-Nam	Nội bộ	011351268		2					Việt Nam
10	Phan Thị Thu Hồng	1-Nữ	NCLQ		6-Vợ						Việt Nam
11	Phan Kim Bằng	0-Nam	NCLQ		1-Cha						Việt Nam
12	Nguyễn Thị Sửu	1-Nữ	NCLQ		3-Mẹ						Việt Nam
13	Phan Hữu Minh Quang	0-Nam	NCLQ		7-Con						Việt Nam
14	Phan Thị Thu Huyền	1-Nữ	NCLQ		7-Con						Việt Nam
15	Phan Kim Khoa	0-Nam	NCLQ		9-Anh ruột						Việt Nam
16	Phan Thị Nga	1-Nữ	NCLQ		10-Chị ruột						Việt Nam
17	Phan Thị Minh Nguyệt	1-Nữ	NCLQ		10-Chị ruột						Việt Nam
18	Phan Kim Khởi	0-Nam	NCLQ		9-Anh ruột						Việt Nam
19	Phan Mộng Quỳnh	1-Nữ	NCLQ		10-Chị ruột						Việt Nam
20	Phạm Công Tử	0-Nam	Nội bộ	036063000133		3,6		277,348			Việt Nam
21	Phạm Công Loan	0-Nam	NCLQ		1-Cha						Việt Nam
22	Nguyễn Thị Thìn	1-Nữ	NCLQ		3-Mẹ						Việt Nam
23	Đinh Thu Trang	1-Nữ	NCLQ		6-Vợ			20,767			Việt Nam
24	Phạm Công Minh	0-Nam	NCLQ		7-Con						Việt Nam
25	Phạm Công Minh Sơn	0-Nam	NCLQ		7-Con						Việt Nam
26	Phạm Công Nam Sơn	0-Nam	NCLQ		7-Con						Việt Nam
27	Phạm Văn Tư	0-Nam	NCLQ		9-Anh ruột						Việt Nam
28	Phạm Thị Tơ	1-Nữ	NCLQ		10-Chị ruột						Việt Nam
29	Phạm Đại Tá	0-Nam	NCLQ		11-Em ruột						Việt Nam
30	Phạm Thị Lua	1-Nữ	NCLQ		11-Em ruột			390			Việt Nam
31	Phạm Thị Thúy Len	1-Nữ	NCLQ		11-Em ruột						Việt Nam
32	Phạm Thị Hồng Gấm	1-Nữ	NCLQ		11-Em ruột			8,580			Việt Nam
33	Trần Vĩnh Đức	0-Nam	Nội bộ	011645494		3		34,495			Việt Nam
34	Trần Việt Hồ	0-Nam	NCLQ		1-Cha						Việt Nam
35	Bùi Thị Như	1-Nữ	NCLQ		3-Mẹ						Việt Nam
36	Nguyễn Thị Lan Anh	1-Nữ	NCLQ		6-Vợ						Việt Nam
37	Trần Anh Tuấn	0-Nam	NCLQ		7-Con						Việt Nam
38	Trần Khánh Linh	1-Nữ	NCLQ		7-Con						Việt Nam
39	Trần Vĩnh Phúc	0-Nam	NCLQ		9-Anh ruột						Việt Nam
40	Trần Phúc Vinh	0-Nam	NCLQ		11-Em ruột						Việt Nam
41	Trần Phúc Quang	0-Nam	NCLQ		11-Em ruột						Việt Nam
42	Beat Schnegg	0-Nam	Nội bộ	X1964494		3					
43	Đào Nam Hải	0-Nam	Nội bộ	031074000730		3					Việt Nam
44	Đào Văn Then	0-Nam	NCLQ		1-Cha						Việt Nam
45	Phạm Thị Bình	1-Nữ	NCLQ		3-Mẹ						Việt Nam
46	Vũ Thái Huyền	1-Nữ	NCLQ		6-Vợ						Việt Nam
47	Đào Hải Minh	0-Nam	NCLQ		7-Con						Việt Nam
48	Đào Huyền Mai	1-Nữ	NCLQ		7-Con						Việt Nam
49	Đào Thị Thu Hà	1-Nữ	NCLQ		11-Em ruột						Việt Nam
50	Đào Thị Hương Giang	1-Nữ	NCLQ		11-Em ruột						Việt Nam
51	Phạm Sỹ Danh	0-Nam	Nội bộ	010418015		3					Việt Nam
52	Phan Thanh Thủy	1-Nữ	NCLQ		6-Vợ						Việt Nam
53	Phạm Bá	0-Nam	NCLQ		1-Cha						Việt Nam
54	Nguyễn Thị Mùi	1-Nữ	NCLQ		3-Mẹ						Việt Nam
55	Phạm Việt Đức	0-Nam	NCLQ		7-Con						Việt Nam
56	Phạm Văn Phước	0-Nam	NCLQ		9-Anh ruột						Việt Nam
57	Phạm Hoàng Vinh	0-Nam	NCLQ		11-Em ruột						Việt Nam
58	Mai Xuân Dũng	0-Nam	Nội bộ	012282516		3,7		37,457			Việt Nam
59	Mai Xuân Nhận	0-Nam	NCLQ		1-Cha						Việt Nam
60	Lê Thị Hữu	1-Nữ	NCLQ		3-Mẹ						Việt Nam
61	Nguyễn Thị Thu Hương	1-Nữ	NCLQ		6-Vợ			195			Việt Nam
62	Mai Xuân Lộc	0-Nam	NCLQ		7-Con						Việt Nam
63	Mai Thanh Tú	1-Nữ	NCLQ		7-Con						Việt Nam
64	Mai Thị Hường	1-Nữ	NCLQ		10-Chị ruột						Việt Nam
65	Mai Xuân Hùng	0-Nam	NCLQ		9-Anh ruột						Việt Nam
66	Mai Xuân Khấn	0-Nam	NCLQ		9-Anh ruột						Việt Nam

STT	TÊN CÔ ĐỒNG	Giới tính	Loại cổ đồng	Số CMT/HC của CĐNB	Quan hệ với CĐNB	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm (dd.mm.yyyy)	SL cổ phiếu nắm giữ	Điện thoại	Fax	Quốc tịch
1	2	3	4	5	6	11	12	15	17	18	19
67	Mai Xuân Thành	0-Nam	NCLQ		9-Anh ruột						Việt Nam
68	Nguyễn Đình An	0-Nam	Nội bộ	111421503							
69	Nguyễn Đình Tiến	0-Nam	NCLQ		1-Cha						
70	Nguyễn Thị Nga	1-Nữ	NCLQ		3-Mẹ						
71	Nguyễn Diệp Vy	1-Nữ	NCLQ		7-Con						
72	Nguyễn Đình Khoa	0-Nam	NCLQ		9-Anh ruột						
73	Trần Trung Tĩnh	0-Nam	Nội bộ	001074003940		4					Việt Nam
74	Trần Văn Đức	0-Nam	NCLQ		1-Cha						Việt Nam
75	Trần Thị Mận	1-Nữ	NCLQ		3-Mẹ						Việt Nam
76	Nguyễn Thanh Huyền	1-Nữ	NCLQ		6-Vợ						Việt Nam
77	Trần Minh	0-Nam	NCLQ		7-Con						Việt Nam
78	Trần Thị Lê Chuyên	1-Nữ	NCLQ		11-Em ruột						Việt Nam
79	Deepak Mohan	0-Nam	Nội bộ	465623782		5					
80	Trần Phan Việt Hải	0-Nam	Nội bộ	012847618		5,7		3,997			Việt Nam
81	Trần Đức Tao	0-Nam	NCLQ		1-Cha						Việt Nam
82	Phan Thị Lài	1-Nữ	NCLQ		3-Mẹ						Việt Nam
83	Hà Kim Anh	1-Nữ	NCLQ		6-Vợ						Việt Nam
84	Trần Quốc Trung	0-Nam	NCLQ		7-Con						Việt Nam
85	Trần Bá Tùng	0-Nam	NCLQ		7-Con						Việt Nam
86	Trần Việt Bách	0-Nam	NCLQ		7-Con						Việt Nam
87	Trần Thị Hà	1-Nữ	NCLQ		10-Chị ruột						Việt Nam
88	Trần Phan Chí Công	0-Nam	NCLQ		11-Em ruột						Việt Nam
89	Trần Phan Chí Tâm	0-Nam	NCLQ		11-Em ruột			13,273			Việt Nam
90	Trần Yên Thế	0-Nam	NCLQ		11-Em ruột						Việt Nam
91	Vũ Ngọc Vượng	0-Nam	Nội bộ	013579668		5					Việt Nam
92	Vũ Quang Thịnh	0-Nam	NCLQ		1-Cha						Việt Nam
93	Vũ Thị Mạnh	1-Nữ	NCLQ		3-Mẹ						Việt Nam
94	Nguyễn Quỳnh Trang	1-Nữ	NCLQ		6-Vợ						Việt Nam
95	Vũ Ngọc Minh Anh	1-Nữ	NCLQ		7-Con						Việt Nam
96	Vũ Thị Hằng	1-Nữ	NCLQ		11-Em ruột						Việt Nam
97	Vũ Thị Thúy Nga	1-Nữ	NCLQ		11-Em ruột						Việt Nam
98	Lê Thị Thanh Hiền	1-Nữ	Nội bộ	B1969510		5					Việt Nam
99	Nguyễn Tuấn Anh	0-Nam	NCLQ		5-Chồng						Việt Nam
100	Lê Quán Tiến	0-Nam	NCLQ		1-Cha						Việt Nam
101	Phạm Thị Hào	1-Nữ	NCLQ		3-Mẹ						Việt Nam
102	Nguyễn Khánh Chi	1-Nữ	NCLQ		7-Con						Việt Nam
103	Nguyễn Tuấn Phong	0-Nam	NCLQ		7-Con						Việt Nam
104	Lê Bích Liên	1-Nữ	NCLQ		10-Chị ruột						Việt Nam
105	Lưu Thị Việt Hoa	1-Nữ	Nội bộ	011482362		10		163,722			Việt Nam
106	Lưu Văn Bổng	0-Nam	NCLQ		1-Cha						Việt Nam
107	Lê Thị Băng Tâm	1-Nữ	NCLQ		3-Mẹ						Việt Nam
108	Nguyễn Văn Tiến	0-Nam	NCLQ		5-Chồng			1,911			Việt Nam
109	Nguyễn Hữu Trí	0-Nam	NCLQ		7-Con						Việt Nam
110	Nguyễn Thị Tường Vi	1-Nữ	NCLQ		7-Con						Việt Nam
111	Lưu Thị Việt Hồng	1-Nữ	NCLQ		11-Em ruột						Việt Nam
112	Lưu Sơn Tùng	0-Nam	NCLQ		11-Em ruột						Việt Nam
113	Nguyễn Mạnh Linh	0-Nam	Nội bộ	011528298		7					Việt Nam
114	Nguyễn Kỳ Lộc	0-Nam	NCLQ		1-Cha						Việt Nam
115	Nguyễn Thị Bích Hải	1-Nữ	NCLQ		3-Mẹ						Việt Nam
116	Tạ Thị Diệu Ngân	1-Nữ	NCLQ		6-Vợ						Việt Nam
117	Nguyễn Mạnh Duy	0-Nam	NCLQ		7-Con						Việt Nam
118	Nguyễn Duy Khôi	0-Nam	NCLQ		7-Con						Việt Nam
119	Nguyễn Thị Minh Châu	1-Nữ	Nội bộ	011198095		11		75,162			Việt Nam
120	Nguyễn Huy Bội	0-Nam	NCLQ		1-Cha						Việt Nam
121	Đặng Thị Ngân	1-Nữ	NCLQ		3-Mẹ						Việt Nam
122	Nguyễn Bình Đức	0-Nam	NCLQ		5-Chồng						Việt Nam
123	Nguyễn Mai Khanh	1-Nữ	NCLQ		7-Con						Việt Nam
124	Nguyễn Phúc Hiền Anh	1-Nữ	NCLQ		7-Con						Việt Nam
125	Nguyễn Phương Anh	1-Nữ	NCLQ		7-Con						
126	Nguyễn Trung Khoa	0-Nam	NCLQ		11-Em ruột						Việt Nam